

Bản án số: **380/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 25/9/2024

*"v/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn"*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thà

Ông Hoàng Sĩ Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 228/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2024 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 447/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 301/2024/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Quách Trung L, sinh năm 1992; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương; Nơi ở hiện nay: Cộng hòa Liên Bang Đ. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người được nguyên đơn ủy quyền về việc giao, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án: Anh Đỗ Minh T; địa chỉ: Khu T, thị trấn M, huyện T, tỉnh Hòa Bình và chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1999; địa chỉ liên hệ: Số D T, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội. Đều vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Phương N, sinh năm 1991; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương; Nơi ở hiện nay: Cộng hòa B. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn Đ, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt.

4. *Người làm chứng:* Bà Phùng Thị T1, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn anh Quách Trung L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Phương N được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 10/6/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống của vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng. Năm 2017, anh xuất cảnh sang Cộng hòa B, sau đó chuyển qua sinh sống ở C Liên Bang Đ. Một thời gian sau, chị N cũng sang Cộng hòa Ba Lan sinh sống và làm việc. Tuy nhiên, vợ chồng anh không chung sống cùng nhau. Mặc dù anh và chị N đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn tình cảm và vợ chồng đã được gia đình hai bên động viên, khuyên bảo nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị N.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Quách Tường V, sinh ngày 22/11/2013 và Quách Minh T2, sinh ngày 19/3/2021. Hiện nay cháu V đang ở với anh, còn cháu T2 đang ở cùng bà ngoại là Nguyễn Thị M. Sau khi ly hôn, anh xin được nuôi cháu V và giao cháu T2 cho chị N nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng anh không có tài sản chung, nợ chung nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do anh L không cung cấp được địa chỉ của chị Nguyễn Thị Phương N ở Cộng hòa B nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình chị N. Bà Nguyễn Thị M (mẹ đẻ của chị N) là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày: Anh L và chị N kết hôn vào năm 2013. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng nhau tại nhà anh L ở huyện T, tỉnh Hải Dương. Khoảng năm 2015, anh L sang Cộng hòa B làm việc. Từ khi anh L đi, hai anh chị bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L nghi ngờ chị N có quan hệ tình cảm với người khác. Năm 2016, chị N cũng sang Ba Lan và ở cùng với anh L. Quá trình chung sống, bà được nghe chị N nói lại là anh L không quan tâm, chăm lo cho chị N. Từ Tết năm 2023, anh L và chị N mỗi người sống một nơi, ít liên lạc với nhau. Chị N đã biết việc anh L có đơn xin ly hôn. Đến nay, chị N có quan điểm là không đồng ý ly hôn anh L vì các con của hai anh chị vẫn còn nhỏ, cần sự

quan tâm của cả bố và mẹ. Về con chung: Chị N và anh L có 02 con chung như anh L trình bày. Do chưa đồng ý ly hôn nên chị N chưa có quan điểm về việc nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có tài sản gì. Từ khi đi, chị N vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình bà. Địa chỉ cụ thể của chị N ở nước ngoài, bà không biết nên không cung cấp cho Tòa án được. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và cam đoan sẽ thông tin lại cho chị N được biết. Trường hợp chị N được nuôi con, bà đồng ý thay chị N chăm sóc các cháu trong thời gian chị N không có mặt ở Việt Nam.

Người làm chứng là bà Phùng Thị T1 trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Quách Trung L. Quá trình chung sống, anh L và chị N đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm sống. Nay anh L có đơn xin ly hôn chị N, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng anh L có 02 con chung là Quách Tường V, sinh ngày 22/11/2013 và Quách Minh T2, sinh ngày 19/3/2021. Trước đây cháu V sinh sống cùng bà, tuy nhiên tháng 7/2024 anh L đã đón cháu V sang Cộng hòa Liên Bang Đ sinh sống. Còn cháu T2 hiện đang ở cùng bà ngoại là Nguyễn Thị M.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn anh L vắng mặt, có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn chị N vắng mặt không có lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà M vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt.

Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cơ bản chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Quách Trung L được ly hôn chị Nguyễn Thị Phương N. Về con chung: Giao cho anh L được nuôi dưỡng con chung là Quách Tường V, sinh ngày 22/11/2013 và giao cho chị N được nuôi dưỡng con chung là Quách Minh T2, sinh ngày 19/3/2021 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Tạm giao cháu T2 cho bà ngoại là Nguyễn Thị M chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị N không có mặt tại Việt Nam. Về án phí: Anh L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn anh Quách Trung L hiện đang sinh sống và làm việc tại Cộng hòa Liên Bang Đ. Bị đơn chị Nguyễn Thị Phương N hiện đang sinh sống và làm việc tại Cộng hòa B. Anh L và chị N đều có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Các văn bản anh L đã gửi về cho Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương gồm: Đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt, đơn đề nghị giám định và giấy ủy quyền chưa được cơ quan có thẩm quyền chứng thực. Tòa án đã trưng cầu giám định dấu vân tay của anh L trên các tài liệu này. Tại Kết luận giám định số 1529/KL-KTHS ngày 27/5/2024 của Phòng K Công an thành phố H đã kết luận: “Các dấu vân tay ký hiệu A1, A3, A5, A7, A9, A11, A13, A15, A17, A19 in trên các tài liệu gửi giám định với dấu vân tay in tại ô Ngón trỏ trái trên 01 bản sao chứng thực Căn cước công dân số 030092014720 mang tên Quách Trung L (mẫu so sánh) là của cùng một người. Các dấu vân tay ký hiệu A2, A4, A6, A8, A10, A12, A14, A16, A18, A20 in trên các tài liệu gửi giám định với dấu vân tay in tại ô Ngón trỏ phải trên 01 bản sao chứng thực Căn cước công dân số 030092014720 mang tên Quách Trung L (mẫu so sánh) là của cùng một người”. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định nội dung trong các văn bản anh L gửi về đúng là ý chí, quan điểm của anh L.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, anh L không cung cấp được địa chỉ của chị N tại Đài Loan. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã yêu cầu anh L và gia đình chị N cung cấp địa chỉ, nhưng anh L và gia đình chị N không cung cấp được. Bà Nguyễn Thị M là mẹ đẻ chị N xác định chị N vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình, bà đã thông báo về việc anh L có đơn xin ly hôn, chị N không cung cấp địa chỉ và không gửi ý kiến trình bày bằng văn bản cho Tòa án. Do vậy, căn cứ Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo quy định.

[1.4] Quá trình giải quyết vụ án, bà Phùng Thị T1 được xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, việc giải quyết vụ án không ảnh hưởng đến

quyền và lợi ích hợp pháp của bà T1, do vậy Hội đồng xét xử xác định bà T1 là người làm chứng.

[1.5] Tại phiên tòa, anh L vắng mặt, có đề nghị xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chị N đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng qua gia đình và niêm yết các văn bản tố tụng đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Quách Trung L và chị Nguyễn Thị Phương N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 10/6/2013 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh L và chị N đều xác định vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh L trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Còn theo chị N trình bày là do **anh L** nghi ngờ chị N có quan hệ tình cảm với người khác. Hiện nay anh L đang ở Cộng hòa Liên bang Đ, chị N đang ở Cộng hòa B. Vợ chồng không còn chung sống cùng nhau từ khoảng Tết năm 2023. Nay anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn và có đơn xin ly hôn, chị N có quan điểm không đồng ý ly hôn do các con của hai anh chị còn nhỏ. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa anh L và chị N đã trầm trọng, anh chị không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp nào để vợ chồng về đoàn tụ. Do vậy, cần chấp nhận cho anh L được ly hôn chị N là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh L và chị N có 02 con chung là Quách Tường V, sinh ngày 22/11/2013 và Quách Minh T2, sinh ngày 19/3/2021. Hiện cháu V đang ở với anh L tại Cộng hòa Liên bang Đ; cháu T2 đang ở cùng bà ngoại là Nguyễn Thị M. Sau khi ly hôn, anh L xin được nuôi cháu V, giao cháu T2 cho chị N nuôi dưỡng; chị N không có quan **điểm về** việc nuôi con. Xét thấy hiện cháu V đang sinh sống ổn định cùng anh L, nguyện vọng của cháu V cũng muốn ở cùng bố; cháu T2 đang ở cùng chị **N và bà** ngoại. Do đó, để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho các con, cần giao cho anh L và chị N mỗi người nuôi một con như quan điểm của anh L là phù hợp. Do hiện nay chị N đang ở nước ngoài, bà M (là mẹ đẻ chị N) có quan điểm đồng ý nuôi dưỡng cháu T2 nên cần tạm giao cháu T2 cho bà M nuôi dưỡng trong thời gian chị N không có mặt tại Việt Nam. Anh L và chị N mỗi người nuôi một con nên hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Anh L là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Quách Trung L ly hôn chị Nguyễn Thị Phương N.

2. Về con chung: Giao cho anh L được nuôi dưỡng con chung là Quách Tường V, sinh ngày 22/11/2013 và giao cho chị N được nuôi dưỡng con chung là Quách Minh T2, sinh ngày 19/3/2021 kể từ tháng 9/2024 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Tạm giao cháu T2 cho bà ngoại là Nguyễn Thị M chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị N không có mặt tại Việt Nam.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Quách Trung L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0000656 ngày 03 tháng 5 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh L đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Thanh Xá, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương (*để ghi vào sổ hộ tịch*);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa HC, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mai Hoa

